

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị số 06/CV-SBCC ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Công ty TNHH Sông Biển Cửa Cạn về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án “Khu du lịch sinh thái sông biển Cửa Cạn” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 317/TTr-STNMT ngày 26 tháng 5 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Sông Biển Cửa Cạn, địa chỉ tại tổ 5, ấp 4, xã Cửa Cạn, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Khu du lịch sinh thái sông biển Cửa Cạn” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Khu du lịch sinh thái sông biển Cửa Cạn.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tại xã Cửa Cạn, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp 1700456720 do Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc cấp lần đầu ngày 10/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 22/3/2010.

1.4. Mã số thuế: 1700456720.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Dự án được triển khai thực hiện tại xã Cửa Cạn, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.



- Quy mô: 71.827,91m²; phục vụ khoảng 200-350 khách lưu trú, 400-500 khách tham quan và có khoảng 100-150 nhân viên; tổng số phòng lưu trú là 1 khối khách sạn 6 tầng, 1 khối khách sạn 3 tầng và 8 căn biệt thự nghỉ dưỡng khoảng 175 phòng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo.

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Sông Biển Cửa Cạn

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Sông Biển Cửa Cạn có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 07 tháng 06 năm 2023 đến ngày 07 tháng 06 năm 2033).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. *TĐ*

Nơi nhận:

- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Phú Quốc;
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh;
- Công ty TNHH Sông Biển Cửa Cạn;
- LĐVP, P. KT, TT. PVHCC;
- Lưu: VT, ptduy (10 bản).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Nhân

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1455/GPMT-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nước thải sinh hoạt của du khách và nhân viên.
- Nước thải từ các công trình công cộng, dịch vụ du lịch.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước mặt sông Cửa Cạn tiếp giáp dự án;

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Xả thải vào môi trường tiếp nhận hiện trạng là nước mặt sông Cửa Cạn tiếp giáp dự án.

- Tọa độ vị trí xả nước thải:

TT	Ký hiệu	Vị trí xả nước thải	Tọa độ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104 ⁰ 30' múi chiều 3 ⁰)	
			X	Y
1	NT	Điểm xả nước thải sau xử lý vào nước mặt sông Cửa Cạn tiếp giáp dự án	1138099	435921

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 300 m³/ngày.đêm; 12,5 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Theo đường ống bơm xả cưỡng bức có áp.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: 24/24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt – QCVN 14:2008/BTNMT, Cột A, hệ số K = 1), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	--	5 – 9	Không thuộc đối tượng phải
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/L	30	

3	TSS	mg/L	50	thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại Điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	500	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	1	
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	5	
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	30	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	10	
9	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	6	
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	5	
11	Tổng Coliforms	MPN/100mL	3.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom nước thải được xây dựng tách riêng với hệ thống thu gom nước mưa.

- Nước thải phát sinh được thu gom theo tính chất của từng loại nước thải, tại dự án nước thải được thu gom theo các nhánh như sau:

+ Nhánh 1: Nước thải sinh hoạt (nước thải từ bể tự hoại, nước thải chảy tràn trên sàn nhà vệ sinh) → Hồ ga/Hồ thu gom → Hệ thống xử lý nước thải tập trung (HTXLNT).

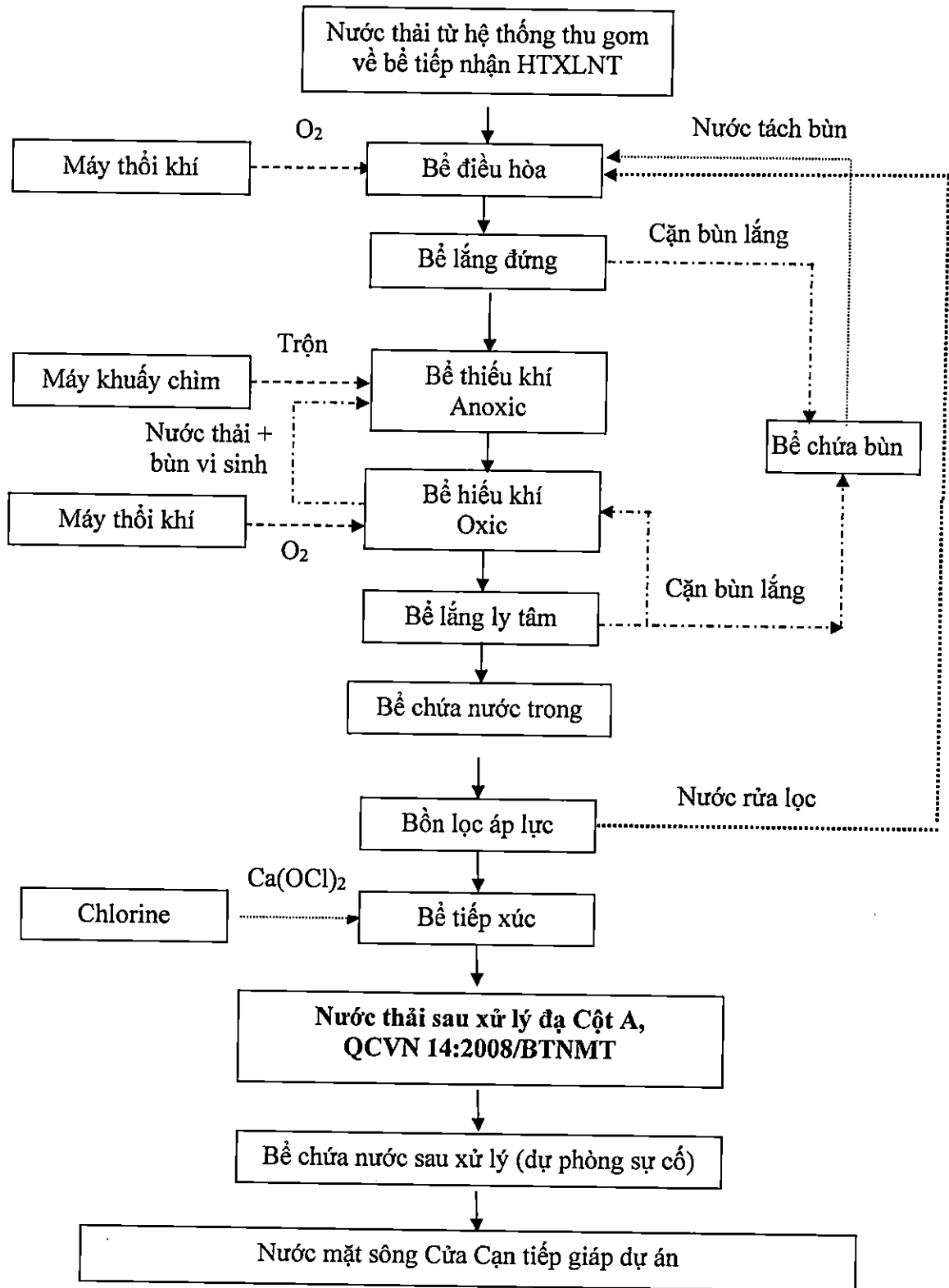
+ Nhánh 2: Nước thải công trình công cộng, dịch vụ du lịch (nước thải công trình dịch vụ du lịch, nhà bếp, bar, coffee) → Bể tách dầu mỡ → Hồ ga/Hồ thu gom → Hệ thống xử lý nước thải tập trung (HTXLNT).

- Công trình thoát nước thải: Nước thải → HTXLNT tập trung → Bể chứa nước sau xử lý (bể dự phòng) → Hệ thống thoát nước nội bộ của dự án → Nước mặt sông Cửa Cạn tiếp giáp dự án.

- Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT – cột A (K = 1) sẽ theo đường ống thoát nước đặt ngầm từ HTXLNT (đầu ra nước thải sau xử lý của HTXLNT) vào bể chứa nước sau xử lý (bể dự phòng). Phần nước sau bể dự phòng sẽ được bơm xả cưỡng bức theo hệ thống đường ống thoát nước nội bộ có áp D400 của dự án thoát vào nguồn tiếp nhận.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:



- Công suất thiết kế: 300 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

TT	Loại hóa chất	Bổ sung vào khối bể	Định mức sử dụng	Chức năng
1	NaOH	Bể điều hòa	1,4 kg/ngày	Điều chỉnh pH nước thải đầu vào

2	H ₂ SO ₄		4 lít/ngày	
3	Chlorine	Bể khử trùng	1,7 kg/ngày	Dùng để tiêu diệt vi khuẩn có hại trong nước thải trước khi thải ra môi trường
4	Chế phẩm vi sinh	Bể sinh học	-	Dùng trong công đoạn nuôi cấy vi sinh, bổ sung vi sinh cho công đoạn xử lý chính

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

a. Biện pháp phòng ngừa:

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.
- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật.

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị, sổ nhật ký vận hành để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

b. Biện pháp xử lý:

- Tạm dừng các hệ thống xử lý chất thải để khắc phục sự cố.
- Thực hiện các hành động xử lý tạm thời, cần thiết để giảm thiểu ô nhiễm.
- Chủ dự án bố trí 01 bể chứa nước sau xử lý với thể tích là 600 m³ dùng để chứa nước thải sau xử lý phục vụ cho công tác ứng phó sự cố. Khi HTXLNT xảy ra sự cố cần thời gian để xử lý, chủ dự án sẽ sử dụng bể với chức năng là bể chứa nước thải dự phòng, chứa nước thải tạm thời tại bể chứa sau xử lý, khi sự cố được khắc phục, nước thải sẽ được bơm trở lại đầu vào HTXLNT để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Bảng Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình Hệ thống xử lý nước thải của dự án

Công trình xử lý chất thải của dự án	Kế hoạch vận hành thử nghiệm		
	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được
HTXLNT công suất 300m ³ /ngđ của KDL	Ngay khi hoàn thành xây dựng công trình và đưa dự án vào vận hành có phát sinh nước thải phải xử lý	Sau 3 ÷ 6 tháng kể từ khi bắt đầu vận hành thử nghiệm	300m ³ /ngđ



Bảng Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu nước thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình Hệ thống xử lý nước thải dự án

Công trình xử lý chất thải của dự án	Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải đánh giá hiệu quả xử lý		
	Thời gian thực hiện	Loại mẫu & Tần suất lấy mẫu	Thông số đo đạc, phân tích
HTXLNT công suất 300m ³ /ngày của KDL	Đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình (ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm)	01 mẫu tổ hợp đầu vào và 01 mẫu tổ hợp đầu ra của công trình cho cả giai đoạn. Mẫu tổ hợp là mẫu gồm 03 mẫu đơn lấy ở 03 thời điểm khác nhau (sáng, trưa - chiều, chiều - tối) trong ngày	Lưu lượng; pH; BOD ₅ ; TSS; TDS; Amoni; sunfua; nitrat; tổng các chất hoạt động bề mặt; Dầu mỡ động, thực vật; Phosphat; Tổng Coliform
	Đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình	01 mẫu đơn nước thải đầu vào và 03 mẫu đơn nước thải đầu ra của công trình trong 03 ngày liên tiếp	Lưu lượng; pH; BOD ₅ ; TSS; TDS; Amoni; sunfua; nitrat; tổng các chất hoạt động bề mặt; Dầu mỡ động, thực vật; Phosphat; Tổng Coliform

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường./.

Phụ lục 2**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1455/GPMT-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Khoảng 280kg/năm.

TT	Tên CTNH	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	65
2	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	45
3	Son, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	16 01 09	65
4	Chất tẩy rửa thải có các thành phần nguy hại	16 01 10	45
5	Pin, ắc quy thải	16 01 12	15
6	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng NH)	16 01 13	45

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại dự án là khoảng 1,88 tấn/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Các thiết bị lưu chứa chất thải phải đảm bảo các quy định tại khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho: 15 m².



- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho đặt trong Khối trạm xử lý nước thải của dự án có kích thước 5m x 3m x 3m. Kho được xây dựng tường bao quanh, có cửa đóng kính, trong kho bố trí hệ thống chiếu sáng và quạt hút để tạo độ thông thoáng.

- Kho chứa chất thải nguy hại phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng rác được bố trí ở những khu vực thuận tiện để thu gom rác từ các hoạt động sinh hoạt, vui chơi,... Số lượng thùng rác bố trí như sau:

TT	Loại thùng chứa	Màu sắc	Vật liệu	Khu vực bố trí
1	Thùng 15 lít	Xanh lá	PVC	Các phòng lưu trú, phòng chức năng dịch vụ du lịch
		Trắng	PVC	
		Vàng	PVC	
2	Thùng 15 lít	Xanh lá	PVC	Dọc các tuyến đường, hành lang khuôn viên
		Trắng	PVC	
		Vàng	PVC	
3	Thùng 120 lít	Xanh lá	PVC	Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt của dự án
		Trắng	PVC	
		Vàng	PVC	

- Để tạo ý thức phân loại rác tại nguồn, dự án bố trí 03 loại thùng chứa rác thải sinh hoạt, bao gồm: Thùng chứa chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (chai nhựa, chai thủy tinh, bìa các tông, vỏ đồ hộp kim loại); thùng chứa chất thải thực phẩm (thức ăn thừa, rau, thịt, củ, quả ...) và thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt khác.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho: 15 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho đặt trong Khối trạm xử lý nước thải của dự án có kích thước 5m x 3m x 3m. Kho được xây dựng tường bao quanh, có cửa đóng kính, trong kho bố trí hệ thống chiếu sáng và quạt hút để tạo độ thông thoáng.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện đúng kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở, đảm bảo tuân thủ quy định kỹ thuật về an toàn và môi trường.

- Đảm bảo nguồn nhân lực, trang thiết bị, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

- Thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố môi trường./.